TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 01933

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

Môn Học : Quản trị rủi ro (208432) - Số Tín Chỉ: 2 **Ngày Thi :** 28/11/11 Giờ thi: 12g15 - phút Phòng thi TV102 **Nhóm Thi :** Nhóm 01 - Tổ 002 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	10150046	HUỲNH PHƯƠNG	NGÂN	DH10TM						4,5	4	5
2	10150048	NGUYỄN NGỌC	NGÂN	DH10TM						5,5	5	5
3	10150049	NGUYỄN THỊ BÍCH	NGÂN	DH10TM						5,5	5	5
4	10150051	NGUYỄN THỊ YẾN	NGỌC	DH10TM						8	8	0
5	10122110	BÙI THỊ ÁNH	NHI	DH10QT						4,5	4	5
6	10122112	NGUYỄN THỊ YẾN	NHI	DH10QT						6,5	6	5
7	09122100	PHẠM THỊ MỸ	NHUNG	DH09QT						6,5	6	5
8	10150058	PHẠM THỊ TUYẾT	NHUNG	DH10TM						6	6	0
9	09122102	NGUYỄN THỊ BÉ	NƯƠNG	DH09QT						6,5	6	5
10	10122116	TRẦN THỊ KIM	NƯƠNG	DH10QT						5,5	5	5
11	10150060	NGUYỄN THỊ	OANH	DH10TM						8,5	8	5
12	10150061	NGUYỄN THỊ KIỀU	OANH	DH10TM						7	7	0
13	10150064	DƯƠNG THỊ	PHÚC	DH10TM						5,5	5	5
14	10122120	NGUYỄN	PHÚC	DH10QT						7	7	0
15	10122124	PHẠM BẠCH	PHỤNG	DH10QT						5,5	5	5
16	10150062	NGUYỄN CAO	PHƯƠNG	DH10TM						5	5	0
17	10122125	CAO THỊ	PHƯƠNG	DH10QT						5	5	0
18	08150108	ĐÀO THỊ BÍCH	PHƯƠNG	DH08TM						7	7	0

Số bài: 67 ; Số tờ: 67

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2; Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Cán bộ coi thi 1&2: Phan Thị Kim Phụng Trung; Lê Hoàng Thanh Đoàn

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2: Hà Thị Thu Hà

Ngày tháng năm

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 01933

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

Môn Học : Quản trị rủi ro (208432) - Số Tín Chỉ: 2 **Ngày Thi :** 28/11/11 Giờ thi: 12g15 - phút Phòng thi TV102 **Nhóm Thi :** Nhóm 01 - Tổ 002 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	10150065	HUỲNH LÊ UYÊN	PHƯƠNG	DH10TM						6	6	0
20	10122127	NGUYỄN THỊ	PHƯƠNG	DH10QT						6,5	6	5
21	09122108	TRẦN NGUYỄN DIỄM	PHƯƠNG	DH09QT						7,5	7	5
22	10122128	TRẦN THỊ MỸ	PHƯƠNG	DH10QT						7	7	0
23	09150074	VÕ THỊ HOÀI	PHƯƠNG	DH09TM						5,5	5	5
24	09150076	CHÁU TRUNG	QUÂN	DH09TM						4,5	4	5
25	10150069	TRIỆU THANH	QUÝ	DH10TM						7,5	7	5
26	10122132	NGUYỄN THỊ	QUYÊN	DH10QT						6	6	0
27	09122112	NGUYỄN TIẾN	SANG	DH09QT						7,5	7	5
28	09122116	NGUYỄN THỊ NHƯ	SƯƠNG	DH09QT						7	7	0
29	08150126	NGUYỄN THỊ THANH	TÂM	DH08TM						4,5	4	5
30	10122145	TRƯƠNG THỊ	THẢ	DH10QT						5,5	5	5
31	09122127	PHẠM NGỌC	THẠCH	DH09QT						9	9	0
32	10122149	VĂN VIỆT	THÁI	DH10QT						6,5	6	5
33	08122110	ĐẶNG TRỌNG	THANH	DH08QT						5,5	5	5
34	09122121	NGUYỄN THỊ KIM	THANH	DH09QT						6	6	0
35	09150085	HỒ THỊ PHƯƠNG	THẢO	DH09TM						7,5	7	5
36	09122123	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG	THẢO	DH09QT						7	7	0

Số bài: 67; Số tờ: 67

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Cán bộ coi thi 1&2: Phan Thị Kim Phụng Thung; Lê H. Thanh Đoan

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2: Hà Thị Thu Hoà

Ngày tháng năm

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 01933

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

Môn Học : Quản trị rủi ro (208432) - Số Tín Chỉ: 2 **Ngày Thi :** 28/11/11 Giờ thi: 12g15 - phút Phòng thi TV102 **Nhóm Thi :** Nhóm 01 - Tổ 002 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
37	10150077	NGUYỄN THỊ	THẢO	DH10TM						7	7	0
38	10122146	NGUYỄN THỊ THU	THẢO	DH10QT						4,5	4	5
39	09150088	NGUYỄN HỮU HOÀNG	THÂN	DH09TM						7,5	7	5
40	10122152	LÊ THỊ	THÊM	DH10QT						6,5	6	5
41	09122132	PHẠM VĂN	THÔNG	DH09QT						7,5	7	5
42	09122133	PHẠM THỊ KIM	THƠ	DH09QT						6	6	0
43	10122157	HUỲNH THỊ	THUÂN	DH10QT						6,5	6	5
44	10150083	PHẠM THỊ THU	THỦY	DH10TM						6,5	6	5
45	09150092	TRẦN HOÀNG CẨM	THỦY	DH09TM						7	7	0
46	10150085	VŨ THỊ THANH	THỦY	DH10TM						8,5	8	5
47	10122158	HUỲNH THỊ	THÚY	DH10QT						6,5	6	5
48	10150084	NGUYỄN THỊ NGỌC	THÚY	DH10TM						7	7	0
49	10150086	DƯƠNG PHƯƠNG THANH	THƯ	DH10TM						6	6	0
50	10122164	ĐÀO ĐỨC	TÍN	DH10QT						6	6	0
51	10150087	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	TRANG	DH10TM						7	7	0
52	09150104	HUỲNH NGỌC THÙY	TRÂM	DH09TM						4,5	4	5
53	10122174	NGUYỄN THỊ BÍCH	TRÂM	DH10QT						7	7	0
54	10150088	TRỊNH VĂN	TRẬN	DH10TM						7	7	0

Số bài:...67.....; Số tờ:...67.....

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Cán bộ coi thi 1&2

Phan Thị Kim Phụng Trung

Lê Hoàng Thanh Hoan Thư

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Hà Thị Thu Hoà

Ngày tháng năm

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 01933

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

Môn Học : Quản trị rủi ro (208432) - Số Tín Chỉ: 2 **Ngày Thi :** 28/11/11 Giờ thi: 12g15 - phút Phòng thi TV102 **Nhóm Thi :** Nhóm 01 - Tổ 002 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
55	10122178	NGUYỄN THỊ DIỄM	TRINH	DH10QT						6	6	0
56	10150089	NGUYỄN THỊ THÙY	TRINH	DH10TM						7	7	0
57	09122152	NGUYỄN ĐĂNG	TRƯỜNG	DH09QT						7	7	0
58	09122157	TRẦN TRỌNG	VĂN	DH09QT						8,5	8	5
59	09159003	VƯƠNG THỊ	VĂN	DH09TM						5,5	5	5
60	10122198	PHAN THỊ TUYẾT	VÂN	DH10QT						6	6	0
61	10150096	TRẦN THỊ MỸ	VÂN	DH10TM						6	6	0
62	10122199	NGUYỄN TƯỜNG	VI	DH10QT						7,5	7	5
63	10122202	HOA ĐÌNH	VŨ	DH10QT						5,5	5	5
64	09122165	TÔN THỊ QUỲNH	VY	DH09QT						7	7	0
65	10150104	BÙI THỊ HOÀNG	YẾN	DH10TM						6	6	0
66	09122167	NGUYỄN THỊ	YẾN	DH09QT						6,5	6	5
67	09122168	NGUYỄN THỊ	YẾN	DH09QT						6	6	0

Số bài: 67; Số tờ: 67

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Cán bộ coi thi 1&2: Phan Thị Kim Phụng Trung; Lê Hoàng Thanh Hoan Thư

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2: Hà Thị Thu Hoà

Ngày tháng năm

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 01932

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

Môn Học : Quản trị rủi ro (208432) - Số Tín Chỉ: 2 **Ngày Thi :** 28/11/11 Giờ thi: 12g15 - phút Phòng thi TV101 **Nhóm Thi :** Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	09150004	BÙI THỊ	ÁI	DH09TM	1					8	8	
2	10150002	NGUYỄN HÀ NHẬT	ÁI	DH10TM	1					6,5	6	5
3	10122002	NGUYỄN THỊ THÚY	AN	DH10QT	1					8,5	8	5
4	10122004	HOÀNG THỊ MAI	ANH	DH10QT	1					6,5	6	5
5	10122006	NGUYỄN THỊ	ANH	DH10QT	1					8	8	
6	10150105	TRẦN NGỌC TUẤN	ANH	DH10TM	1					6,5	6	5
7	09122006	TRẦN THỊ	ÂN	DH09QT	1					7,5	7	5
8	10150003	BÙI THỊ BI	BÔNG	DH10TM	1					7	7	
9	09150008	PHAN HOÀNG THANH T	CHI	DH09TM	1					6,5	6	5
10	10150004	HUỲNH ĐỨC	CƯỜNG	DH10TM	1					6,5	6	5
11	10150005	PHẠM VIỆT	CƯỜNG	DH10TM	1					6,5	6	5
12	10122024	TRẦN ĐỨC	CƯỜNG	DH10QT	1					6,5	6	5
13	10122025	NGUYỄN THỊ KIỀU	DIỄM	DH10QT	1					9	9	
14	10150006	TRẦN THỊ HOÀNG	DIỆP	DH10TM	1					5	5	
15	10122028	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	DUNG	DH10QT	1					5	5	
16	10150009	NGUYỄN TRUNG	DŨNG	DH10TM	1					8	8	
17	09150016	BÙI THỊ KIM	DUYÊN	DH09TM	1					9,5	9	5
18	10122037	TRẦN VĂN	DƯỠNG	DH10QT	1					7	7	

Số bài: 18; Số tờ: 18

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2; Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Cán bộ coi thi 1&2

Diệp Thanh Tùng

Duyệt của Trường Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Hà Thị Thu Hà

Ngày tháng năm

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 01932

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

Môn Học : Quản trị rủi ro (208432) - Số Tín Chỉ: 2 **Ngày Thi :** 28/11/11 Giờ thi: 12g15 - phút Phòng thi TV101 **Nhóm Thi :** Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	08122025	LÊ HOÀNG MẪN	ĐẠT	DH08QT	1					8	8	
20	09122021	HỒ THỊ	ĐƯƠNG	DH09QT	1					7	7	
21	10150010	NGUYỄN THỊ	HÀ	DH10TM	1					6	6	
22	10150011	PHẠM THỊ	HÀ	DH10TM	1					6,5	6	5
23	10122045	NGUYỄN THỊ THANH	HẢI	DH10QT	1					7	7	
24	10150012	TRỊNH THỊ HOÀNG	HẢI	DH10TM	1					6	6	
25	09122032	PHẠM THỊ HỒNG	HẠNH	DH09QT	2					6,5	6	5
26	09122033	TRƯƠNG THỊ HUỆ	HẠNH	DH09QT	1					7,5	7	5
27	09122034	TRƯƠNG THỊ MỸ	HẠNH	DH09QT	1					6,5	6	5
28	10122049	VÕ THỊ HỒNG	HẠNH	DH10QT	1					8	8	
29	07150035	ĐẶNG THỊ HỒNG	HẢO	DH08TM	1					7	7	
30	09150029	LÊ THỊ	HẰNG	DH09TM	1					7,5	7	5
31	09150030	LƯƠNG THÚY	HẰNG	DH09TM	1					5	5	
32	09150031	MẠNH THỊ THU	HẰNG	DH09TM	1					6,5	6	5
33	10150013	NGÔ THỊ	HẰNG	DH10TM	1					7	7	
34	10122053	TRẦN THỊ NGỌC	HẰNG	DH10QT	1					8,5	8	5
35	10122054	TRẦN THỊ NGỌC	HẬU	DH10QT	1					7,5	7	5
36	10150016	PHẠM THỊ	HÒA	DH10TM	1					8	8	

Số bài: 36; Số tờ: 36

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2; Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày tháng năm

Hà Thị Thu Hoa

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 01932

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

Môn Học : Quản trị rủi ro (208432) - Số Tín Chỉ: 2 **Ngày Thi :** 28/11/11 Giờ thi: 12g15 - phút Phòng thi TV101 **Nhóm Thi :** Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
37	10150017	TRẦN THỊ	HOÀI	DH10TM	1					7,5	7	5
38	10122059	HÀ THỊ	HOAN	DH10QT	1					7	7	0
39	09122047	NGUYỄN THỊ	HOANH	DH09QT	1					7,5	7	5
40	09122055	LẠI MINH	HUỆ	DH09QT	1					7,5	7	5
41	10150023	NGUYỄN THỊ	HƯƠNG	DH10TM	1					6,5	6	5
42	09164002	NGUYỄN THỊ NGỌC	HƯƠNG	DH09QT	1					6,5	6	5
43	10150025	NGUYỄN THỊ THANH	HƯỜNG	DH10TM	1					5	5	0
44	10122076	VÕ CHÂU TRÚC	KHUÊ	DH10QT	1					7	7	0
45	10150027	TRẦN THỊ	KHUYÊN	DH10TM	1					6,5	6	5
46	10122078	NGUYỄN THỊ THÚY	KIỀU	DH10QT	1					6,5	6	5
47	08122061	TRẦN MỸ	KIM	DH08QT	1					6	6	0
48	08150063	ĐINH THỊ	LAN	DH08TM	1					5	5	0
49	08150066	TRẦN ÂN SƠN	LÂM	DH08TM	1					5	5	0
50	10150030	NGUYỄN THỊ MỸ	LỆ	DH10TM	1					5	5	0
51	09150049	ĐẶNG TRÚC	LIÊN	DH09TM	1					6,5	6	5
52	10122084	HỒ MỸ	LINH	DH10QT	1					7	7	0
53	09122074	HUỲNH VŨ	LINH	DH10QT						~~5~~	V	
54	09150052	NGUYỄN THỊ MỸ	LINH	DH09TM	1					5	5	0

Số bài: 67 ; Số tờ: 68

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Cán bộ coi thi 1&2: Kham Thị Yến; Diệp Thanh Tùng

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2: Hà Thị Thu Hoà

Ngày tháng năm

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 01932

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

Môn Học : Quản trị rủi ro (208432) - Số Tín Chỉ: 2 **Ngày Thi :** 28/11/11 Giờ thi: 12g15 - phút Phòng thi TV101 **Nhóm Thi :** Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
55	09122078	HÀ CÔNG	LUẬN	DH09QT	1					5	5	
56	09122079	NGUYỄN NGỌC QUỲNH	LY	DH09QT	1					9	9	
57	09122081	PHẠM THỊ MAI	LY	DH09QT	1					7,5	7	5
58	10150038	TRẦN THỊ LY	LY	DH10TM	1					6,5	6	5
59	09122082	TRẦN THỊ TRÚC	LY	DH09QT	1					6,5	6	5
60	10150039	LÊ THỊ HOÀNG	MAI	DH10TM	1					6,5	6	5
61	10150040	NGUYỄN THỊ TRÚC	MAI	DH10TM	1					7	7	
62	10150041	NGUYỄN THỊ TUYẾT	MAI	DH10TM	1					6,5	6	5
63	10150042	TẠ XUÂN	MAI	DH10TM	1					8	8	
64	10122094	VŨ THỊ	MINH	DH10QT	1					7,5	7	5
65	10122095	NGUYỄN THỊ DIỄM	MY	DH10QT	1					7,5	7	5
66	09150065	LÊ THỊ DIỆU	NGA	DH09TM	1					6,5	6	5
67	10122097	NGUYỄN THỊ HUỲNH	NGA	DH10QT	1					7	7	
68	10150045	NGUYỄN THỊ THANH	NGA	DH10TM	1					5	5	

Số bài: 67; Số tờ: 68

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2; Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Hà Thị Thu Hoài

Ngày tháng năm

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 01934

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

Môn Học : Quản trị rủi ro (208432) - Số Tín Chỉ: 2 **Ngày Thi :** 28/11/11 Giờ thi: 12g15 - phút Phòng thi RD101 **Nhóm Thi :** Nhóm 02 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	10122019	LÊ THỊ	BÔNG	DH10QT	1					6,5	6	5
2	09122016	NGUYỄN VĂN	DŨNG	DH09QT	1					7,5	7	5
3	09122017	VÕ QUỐC	DŨNG	DH09QT	1					7,5	7	5
4	10122047	NGUYỄN THỊ MỸ	HẠNH	DH10QT	1					7,5	7	5
5	09150045	TRẦN THỊ	KHUYÊN	DH09TM	1					8	8	0
6	10122086	PHẠM THỊ MỸ	LINH	DH10QT	1					6	6	0
7	10122087	PHẠM THỊ YẾN	LINH	DH10QT	1					6,5	6	5
8	10150035	NGUYỄN THỊ	LỘC	DH10TM	1					7	7	0
9	09122087	NGUYỄN NHẬT	NAM	DH09QT	1					7	7	0
10	10150054	NGUYỄN THỊ	NHÀNH	DH10TM	1					8	8	0
11	10122121	NGUYỄN THỊ	PHỤNG	DH10QT	1					5,5	5	5
12	10122126	MAI THỊ MỸ	PHƯƠNG	DH10QT	1					6,5	6	5
13	10150066	PHẠM THỊ	QUYÊN	DH10TM	1					7,5	7	5
14	10122138	TRẦN THỊ THANH	TÂM	DH10QT	1					6	6	0
15	09122125	TRẦN THỊ THY	THẢO	DH09QT	1					6,5	6	5
16	09122130	BÙI THỊ MAI	THI	DH09QT	1					7	7	0
17	09122131	BÙI DUY	THỐNG	DH09QT	1					7	7	0
18	09122137	VŨ THỊ THANH	THÚY	DH09QT	1					6,5	6	5

Số bài: 24 ; Số tờ: 24

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2; Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Cán bộ coi thi 1&2: Trần T.M. Nương

Duyệt của Trường Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2: Hà Thị Thu Hoài

Ngày 28 tháng 11 năm 2011

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 01934

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

Môn Học : Quản trị rủi ro (208432) - Số Tín Chỉ: 2 **Ngày Thi :** 28/11/11 Giờ thi: 12g15 - phút Phòng thi RD101 **Nhóm Thi :** Nhóm 02 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	10150081	NGUYỄN THỊ BÍCH	THUYỀN	DH10TM	1	Thuyền				7	7	
20	09122141	TRẦN THỊ THANH	TIỀN	DH09QT	1	[illegible]				5	5	
21	10122171	NGUYỄN THỊ THU	TRANG	DH10QT	1	[illegible]				6,5	6	5
22	09122172	DIỆP THỊ PHƯƠNG	TRÂN	DH09QT	1	[illegible]				6	6	
23	10122183	HUỲNH CAO	TUYÊN	DH10QT	1	[illegible]				6,5	6	5
24	10150102	HUỲNH THỊ BÍCH	VY	DH10TM	1	Vy				5,5	5	5

Số bài: 24 ; Số tờ: 24

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Cán bộ coi thi 1&2

Trần T.M. Nương

Nguyễn Thị Mai

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Hà Thị Thu Hà

Ngày 28 tháng 11 năm 2011